TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/DS-ST
Ngày: 27/7/2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Phạm Trung Thành**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè không tham gia phiên tòa.*

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 154/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Bảo G**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989.

- Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 2000.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh G có mặt tại phiên tòa. Anh T, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê bảo G trình bày*:

Vào ngày 19/9âl/2022, anh có cho chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T vay không lãi số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, nhưng đến nay anh T, chị L chưa trả. Nay anh yêu cầu anh T, chị L cùng trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Mỹ L không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.*

Tại phiên tòa, anh G tự nguyện cho anh T, chị L trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng vào ngày 27 tây hàng tháng đến khi xong nợ. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh G kiện anh T, chị L tranh chấp về tiền vay đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Anh G kiện yêu cầu anh T, chị L trả số tiền đã mượn. Xét thấy mặc dù nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất. Tuy nhiên, tại Điều 494 Bộ luật dân sự quy định "Hợp đồng mượn tài sản..., bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn..." Như vậy theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự hợp đồng mượn tài sản bên mượn tài sản phải trả lại đúng tài sản đã mượn.

Tại Điều 463 Hợp đồng vay tài sản Bộ luật dân sự quy định "Hợp đồng vay tài sản..., khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi khi có thỏa thuận..."

Tài sản các bên giao dịch trong vụ án này là tiền và theo lời khai các bên khi giao trả thì trả tài sản cùng loại là tiền theo giá trị tương đương và không có lãi. Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Anh T, chị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc anh G khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai của anh Lê Bảo G là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 19/9âl/2022 anh T, chị L có vay của anh số tiền là 20.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay 05 tháng, đồng thời cung cấp chứng cứ là "Giấy mượn nợ" đề ngày 19/9âl không đề năm.

[2.1]. Về chứng cứ:

- Xét chứng cứ anh G cung cấp là "Giấy mượn nợ" đề ngày 19/9âl không đề năm, theo nội dung giấy nợ anh G cung cấp thể hiện chị L, anh T người mượn tiền, cùng ký và ghi họ và tên nơi người mượn tiền.

Do vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi giữa anh Lê Bảo G với chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T thực tế phát sinh theo quy định tại các Điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc anh G khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc anh G khởi kiện, xem như chị L, anh T đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, thời hạn trả tiền là 05 tháng kể từ ngày vay, nhưng đến nay chị L, anh T chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện:

- Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của anh G là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470, 288 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G. Buộc chị L, anh T liên đới trả cho anh G số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa anh G cho anh T, chị L trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng vào ngày 27 tây hàng tháng đến khi hết số tiền 20.000.000 đồng. Xét việc cho trả dần hàng tháng số tiền là 3.000.000 đồng vào ngày 27 tây hàng tháng của anh G là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bảo G.

- Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T liên đới trả cho anh Lê Bảo G số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Trả mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng vào ngày 27 tây hàng tháng đến khi hết số tiền 20.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bên được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T chịu 1.000.000 đồng.

- Hoàn lại anh Lê Bảo G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0011187 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thanh T được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhịn